

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA LỊCH SỬ**

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ

Tập 2

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC
CHÀO MỪNG 40 NĂM THÀNH LẬP KHOA LỊCH SỬ
(1968 - 2008)**

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN - 2008

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU

1. **ThS. Đậu Đức Anh, TS. Trần Văn Thức:** Một vài dấu ấn của thanh niên Nghệ Tĩnh đối với cách mạng giải phóng dân tộc 7
2. **ThS. Hắc Xuân Cảnh:** Thời cơ và thách thức đối với quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan sau khi Việt Nam gia nhập WTO 17
3. **ThS. Lê Thế Cường:** Thái độ của Liên Xô trong cuộc chiến tranh biên giới Trung Quốc - Ấn Độ năm 1962 25
4. **ThS. Nguyễn Thị Duyên:** Một số biện pháp sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả bài "Những phát kiến lớn về địa lý" trong SGK Lịch sử lớp 10 nâng cao 32
5. **ThS. Phạm Tiến Đông:** Đường lối "trung lập tích cực" trong chính sách đối ngoại của Singapore giai đoạn 1965-1990 39
6. **ThS. Nguyễn Thị Hà:** Mấy ý kiến về nội dung dạy học lịch sử địa phương ở các trường phổ thông trung học tại Nghệ An 45
7. **ThS. Dương Thị Thanh Hải:** Vài nét về cuộc biểu tình chống thuế ở Bắc Trung Kỳ năm 1908 49
8. **ThS. Bùi Văn Hào:** Một số vấn đề về quan hệ Việt - Lào qua các công trình nghiên cứu chủ yếu của tác giả người Việt và người Lào. 58
9. **ThS. Lê Đức Hoàng:** Đôi nét về chính sách trọng dụng hiền tài xứ Nghệ của Nguyễn Huệ - Quang Trung. 67
10. **ThS. Lê Đức Hoàng:** Kết hợp bài tập nhận thức với so sánh, đối chiếu sự kiện và thảo luận nhóm khi dạy bài "Cách mạng công nghiệp ở châu Âu" (Lịch sử lớp 10) 74
11. **TS. Nguyễn Quang Hồng, Hoàng Kim Khoa:** Thực trạng kinh tế của người Đan Lai ở Con Cuông - Nghệ An cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI 79
12. **TS. Nguyễn Quang Hồng, Trần Nghị:** Các lễ hội của cư dân miền biển ở Nghệ An 85
13. **ThS. GVC Hồ Sĩ Huy:** Giáo sư Hoàng Xuân Hãn (1908-1996) 93
14. **ThS. Nguyễn Thị Hương:** Ảnh hưởng của Phật giáo tới công trình kiến trúc Bôrôbudua ở Indônêxia 98
15. **PGS.TS Nguyễn Công Khanh:** Tìm hiểu các đợt di cư của người Việt vào Thái Lan 103
16. **Đỗ Văn Long, TS. Trần Văn Thức:** Thái độ "tích cực" của một số thành viên trong Chính phủ Trần Trọng Kim đối với Cách mạng tháng Tám 1945 113
17. **Võ Thị Cẩm Ly:** Vấn đề chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trong gia đình ở vùng đồng bằng sông Hồng 121

18. **ThS. Đặng Thị Minh Lý:** Vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi (Qua điều tra ở Con Cuông - Nghệ An) 128
19. **ThS. GVC Phan Hoàng Minh:** Tìm hiểu nghề in trong lịch sử 139
20. **ThS. Mai Thị Thanh Nga:** Truyền thống gia đình và quê hương trong khí phách vị Nho tướng Phan Đình Phùng (1847 - 1895) 144
21. **Mai Phương Ngọc, TS. Trần Văn Thúc:** Vị trí chiến lược của Vinh trong vùng tự do Nghệ An thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp 151
22. **TS. Trần Vũ Tài:** Đồn điền trồng cà phê ở miền Tây Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp 158
23. **TS. Phạm Ngọc Tân, ThS. Trần Thị Lan Hương:** Vai trò hạt nhân của ASEAN trong Cộng đồng Đông Á 164
24. **ThS. Nguyễn Khắc Thắng:** Công tác hậu cần cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 ở Thừa Thiên Huế 174
25. **ThS. Nguyễn Khắc Thắng:** Đồng bào miền núi Trị Thiên với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 181
26. **TS. Trần Viết Thu:** Kỹ năng sử dụng sách giáo khoa Lịch sử trong hệ thống các kỹ năng sư phạm của người giáo viên 186
27. **Bùi Minh Thuận:** Tục lệ cưới xin của người Mường ở Thạch Tượng - Thạch Thành - Thanh Hoá 195
28. **TS. Trần Văn Thúc, Nguyễn Thị Thủy:** Những đóng góp của Phan Văn Trường trong phong trào yêu nước Việt Nam 30 năm đầu thế kỷ XX 204
29. **Trần Thị Thủy, Nguyễn Thành Lương:** Góp phần làm sáng tỏ quá trình chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền ở Hoàng Hoá - Thanh Hoá năm 1945 210
30. **Võ Thị Hoài Thương:** Những phong tục kiêng kỵ liên quan đến sinh nở của người Việt (Qua những câu thơ của Hải Thượng lãn ông Lê Hữu Trác) 216
31. **ThS. Đặng Như Thường:** Một vài ý kiến về chính sách khai hoang của triều Nguyễn 226
32. **ThS. Đặng Như Thường:** Sự phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất thời phong kiến 234
32. **Lê Văn Trường, Trần Vũ Tài:** Chính sách "chiêu hiền đãi sĩ" của Chính phủ Hồ Chí Minh thời kỳ 1945 - 1946 241
33. **ThS. GVC Hoàng Quốc Tuấn:** Những dấu tích văn hoá thời tiền sử ở Nghệ Tĩnh 247
34. **ThS. Hoàng Thị Hải Yến:** Vai trò của Minh Trị Thiên hoàng đối với công cuộc duy tân ở Nhật Bản (1868 - 1912) 256
33. **ThS. Tôn Nữ Hải Yến:** Phong trào đấu tranh của nhân dân Triều Tiên dưới thời kỳ Nhật Bản đô hộ (1910 - 1945) 264

TUYỂN CHỌN VÀ BIÊN TẬP

PGS.TS. Nguyễn Công Khanh

TS. Trần Văn Thức

TS. Trần Việt Thụ

ThS. GVC Phan Hoàng Minh

THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - ĐÀI LOAN SAU KHI VIỆT NAM GIA NHẬP WTO

*ThS. Hắc Xuân Cảnh**

Năm 2006 đã đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế quốc tế. Việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào ngày 7/11/2006 đã mở ra một thời kỳ mới đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Sự kiện đó không chỉ có tác động đến sự phát triển kinh tế nói chung của Việt Nam mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến các mối quan hệ kinh tế song phương giữa Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ trong khu vực. Trong bối cảnh đó, quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan với gần 2 thập kỷ phát triển cũng chịu tác động nhiều chiều. Bài viết này tập trung phân tích những thời cơ, thách thức đối với mối quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Đài Loan sau khi Việt Nam gia nhập WTO, đồng thời nêu lên những giải pháp nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan thời kỳ hậu WTO.

1. Vài nét về quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan trước khi Việt Nam gia nhập WTO

So với các nước khác trong khu vực, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Đài Loan bắt đầu tương đối muộn. Từ năm 1986, sau khi Việt Nam đưa ra đường lối đổi mới thì các đoàn khảo sát kinh tế của Đài Loan mới bắt đầu đến Việt Nam để tìm hiểu khả năng đầu tư và trao đổi thương mại. Tháng 5/1988, Bộ Ngoại thương Đài Loan ra tuyên bố là Đài Loan sẽ chấp nhận chiến lược “từng bước một” trong việc mở quan hệ thương mại trực tiếp với Việt Nam. Sau những cuộc tiếp xúc giữa các đoàn khảo sát của hai bên, quan hệ thương mại Việt Nam - Đài Loan chính thức được thiết lập khi đoàn thương mại và phát triển Quốc dân Đảng mở chi nhánh văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1990, và Bộ Tài chính của Đài Loan cho phép thực hiện các hoạt động ngoại hối và thư tín dụng trực tiếp với Việt Nam. Tháng 1/1991, Đài Loan đã mở văn phòng đại diện của tổ chức phát triển ngoại thương tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 6/1991, Hiệp định về việc thành lập Văn phòng kinh tế và văn hoá giữa Việt Nam và Đài Loan đã được ký kết. Tiếp đó, tháng 11/1992, Đài Loan chính thức mở văn phòng tại Hà Nội, và Việt Nam cũng mở văn phòng đại diện tại Đài Bắc vào tháng 7/1993. Việc hai bên mở văn phòng đại diện về trao đổi kinh tế và văn hoá đã mở ra thời kỳ mới đối với quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan. Tính đến năm 2005, sau 15 năm phát triển, quan hệ

* Cán bộ giảng dạy khoa Lịch sử – Trường Đại học Vinh

kinh tế Việt Nam - Đài Loan đã có những bước tiến hết sức nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực.

Về quan hệ thương mại, kể từ khi bắt đầu có quan hệ chính thức, kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Đài Loan đã liên tục gia tăng. Tổng giá trị trao đổi thương mại Việt Nam - Đài Loan đã tăng từ 118 triệu USD năm 1990 lên đến 4,7 tỉ USD vào năm 2005, riêng năm 2005 tăng 19,71% so với năm 2004[5;41]. Việt Nam trở thành đối tác thứ 17 của Đài Loan và Đài Loan là một trong những bạn hàng lớn của Việt Nam.

Thống kê kim ngạch mậu dịch Việt Nam và Đài Loan

(từ 1989 đến 5/2005)

Đơn vị tính: USD

Năm	Tổng kim ngạch mậu dịch hai chiều		Việt Nam nhập khẩu	Việt Nam xuất khẩu	Thâm hụt
	Kim ngạch	Tỷ lệ tăng trưởng (%)			
1989	41.348.465		8.880.195	32.468.270	23.558.075
1990	118.299.859	186,1	62.743.712	55.556.147	-7.187.565
1991	232.348.445	96,4	152.285.716	80.062.729	-72.222.987
1992	401.366.439	72,7	278.466.298	122.900.141	-155.566.157
1993	655.413.750	63,3	501.274.729	154.139.021	-347.135.708
1994	961.513.464	46,7	742.567.748	218.945.716	-523.622.032
1995	1.283.912.827	33,5	1.013.635.117	270.277.710	-743.357.407
1996	1.492.049.335	16,2	1.175.326.777	316.722.558	-858.604.219
1997	1.688.599.718	13,2	1.297.187.017	319.412.701	-905.774.316
1998	1.556.290.113	-7,8	1.213.285.170	343.004.943	-870.280.227
1999	1.729.264.876	11,1	1.341.502.889	387.761.987	-953.740.902
2000	2.132.238.312	23,3	1.663.391.721	468.846.591	-1.194.545.130
2001	2.145.814.410	0,637	1.726.774.057	419.040.353	-1.307.733.704
2002	3.349.000.000	18,5	1.380.368.597	291.699.545	-1.088.669.052
2003	3.655.000.000		2.916.000.000	749.000.000	-2.167.000.000
5/2005	2.027.782.465	28,9	1.756.982.378	270.800.087	-1.486.182.291

Nguồn: Tổng cục thuế quan Đài Loan

Trong quan hệ thương mại, Việt Nam nhập từ Đài Loan các sản phẩm chủ yếu là nguyên phụ liệu dệt may, máy móc và thiết bị, sắt thép, cấu kiện điện tử và

máy tính, xe máy, nhiên liệu, ô tô, nhựa dẻo..., trong khi đó các hàng hoá Việt Nam xuất khẩu sang Đài Loan chủ yếu là các sản phẩm may mặc, hải sản, dầu thô, giấy dếp, hoa quả, hàng thủ công mỹ nghệ, chè, cao su... Điều đáng chú ý là Việt Nam luôn là nước nhập siêu từ phía Đài Loan.

Về hợp tác đầu tư, cùng với quan hệ thương mại, hợp tác đầu tư giữa Đài Loan và Việt Nam phát triển hết sức thuận lợi trong thời gian qua. Trong khoảng 10 năm gần đây, Đài Loan luôn đứng ở vị trí dẫn đầu trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Các doanh nghiệp và các nhà đầu tư Đài Loan luôn đánh giá Việt Nam là môi trường đầu tư hấp dẫn và đầy tiềm năng. Theo thống kê của các nhà nghiên cứu thì “căn cứ theo số lượng vốn đăng ký thì quy mô trung bình của mỗi hạng mục đầu tư từ 1989 đến 2006 của các doanh nghiệp Đài Loan tại Việt Nam là 6,5 triệu USD”[5,45]. Các lĩnh vực đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam bao gồm công nghiệp chế biến thực phẩm, dệt, may mặc, sản xuất xi măng, lắp ráp thiết bị điện tử... Trong lĩnh vực hợp tác đầu tư thì Việt Nam chưa có đầu tư sang Đài Loan. Điều này là do hạn chế về lượng vốn, quy mô của các doanh nghiệp Việt Nam, cũng như do cơ cấu nền kinh tế của hai bên.

Thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam từ 1988 đến 2006 (tính đến 30/7/2006)

Đơn vị tính: USD

TT	Nước, vùng lãnh thổ	Số dự án	Tổng vốn đầu tư	Vốn pháp định
1	Đài Loan	1523	7.943.642.405	3.470.387.744
2	Singapore	425	7.887.422.121	2.926.027.867
3	Nhật Bản	677	6.823.029.738	3.107.903.239
4	Hàn Quốc	1183	5.945.597.259	2.492.797.549
5	Hồng Kông	368	4.404.178.576	1.707.521.603
6	Anh	269	3.115.714.025	1.222.304.424
7	Pháp	173	2.192.798.927	1.333.318.737
8	Hà Lan	69	2.101.255.210	1.273.323.674
9	Hoa Kỳ	289	1.994.038.897	1.156.545.293
10	Malaysia	194	1.624.568.666	752.190.456

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Nhìn chung, trong 15 năm (1990 - 2005), quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan đã có sự phát triển nhanh chóng và khá toàn diện, tuy nhiên vẫn chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của hai bên. Quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan vẫn

còn tồn tại nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển như rào cản về thuế quan, sự thông thoáng trong chính sách... Vì vậy, việc Việt Nam gia nhập WTO sẽ đem lại những thuận lợi cơ bản cho sự phát triển của mối quan hệ này.

2. Những cơ hội đối với quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan sau khi Việt Nam gia nhập WTO

Chúng ta đều biết rằng WTO là tổ chức kinh tế đa phương hoạt động theo 5 nguyên tắc cơ bản là: 1. Thương mại không phân biệt đối xử; 2. Tạo dựng một nền tảng ổn định cho sự phát triển thương mại; 3. Đảm bảo thương mại ngày càng tự do thông qua đàm phán; 4. Tạo môi trường cạnh tranh ngày càng bình đẳng; 5. Dành điều kiện đặc biệt cho các nước đang phát triển. Mục đích của WTO là thúc đẩy tự do hoá thương mại, hội nhập kinh tế trên phạm vi toàn cầu. Vì vậy, sau khi Việt Nam gia nhập WTO, quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan sẽ có nhiều cơ hội để phát triển.

Thứ nhất, sau khi Việt Nam gia nhập WTO, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với Đài Loan không chỉ đơn thuần là quan hệ giữa một nước và vùng lãnh thổ, mà đó còn là quan hệ giữa các thành viên của WTO (Đài Loan đã gia nhập WTO từ năm 2001). Điều đó sẽ cho phép Việt Nam và Đài Loan có thể có nhiều cơ hội để giao lưu, hợp tác trên những diễn đàn chung của WTO, từ đó sẽ tránh được những tác động tiêu cực từ bên ngoài, nhất là sự phản đối từ phía Trung Quốc.

Thứ hai, quan hệ thương mại Việt Nam - Đài Loan cũng sẽ được đẩy mạnh hơn trước. Theo những cam kết của Việt Nam với WTO, trong vòng từ 3 - 5 năm sau khi gia nhập WTO, Việt Nam sẽ tiến hành cắt giảm thuế quan các loại hàng hoá nhập khẩu, trong đó sẽ có 232 loại sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp có liên quan đến Đài Loan như thịt lợn, sữa, sản phẩm thép, sản phẩm nhôm... được giảm mức thuế trung bình từ 45,25% xuống 16,27%. Đó sẽ là cơ hội để hàng hoá của Đài Loan nhập khẩu vào Việt Nam ngày càng nhiều hơn với giá cả cạnh tranh. Trong khi đó, Việt Nam cũng có cơ hội mở rộng xuất khẩu các mặt hàng mà chúng ta có thế mạnh như nông sản, thủy sản, may mặc, giấy dếp... (những mặt hàng thị trường Đài Loan rất cần) vốn đang chịu nhiều thiệt thòi bởi quy chế hạn ngạch khi chưa trở thành thành viên chính thức của WTO. Đó chính là điều kiện thuận lợi để hàng hoá của Việt Nam xuất sang Đài Loan ngày càng nhiều hơn, và cán cân thương mại giữa Việt Nam và Đài Loan sẽ trở nên cân bằng hơn.

Thứ ba, quan hệ hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Đài Loan sẽ có thêm những điều kiện để phát triển. Trong những năm gần đây, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư Đài Loan luôn đánh giá rất tốt về môi trường đầu tư Việt Nam, tuy

nhiên họ vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc xúc tiến đầu tư, nhất là về thủ tục đầu tư. Điều đó đã phần nào hạn chế đến quy mô và số lượng đầu tư của Đài Loan ở Việt Nam. Vì vậy, việc Việt Nam gia nhập WTO sẽ góp phần làm cho hệ thống chính sách pháp luật của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và phù hợp với thông lệ quốc tế hơn, điều đó sẽ khuyến khích các nhà đầu tư Đài Loan mở rộng quy mô và lĩnh vực đầu tư. Hiện nay các nhà đầu tư Đài Loan vẫn đang còn vắng mặt trên một số lĩnh vực quan trọng của Việt Nam như các hạng mục đầu tư về văn hoá, y tế, giáo dục là những lĩnh vực mà Việt Nam rất cần học hỏi kinh nghiệm từ phía Đài Loan. Việc Việt Nam gia nhập WTO và cải thiện môi trường đầu tư sẽ tạo ra sức hút đối với các nhà đầu tư Đài Loan trên những lĩnh vực này. Đối với Việt Nam, sau khi gia nhập WTO, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm kinh doanh, hơn nữa để nâng cao sức cạnh tranh buộc họ phải tăng cường đầu tư vốn, mở rộng sản xuất, tìm kiếm thị trường... và phải hướng đầu tư ra nước ngoài. Trong bối cảnh đó, Đài Loan sau 5 năm gia nhập WTO, với hệ thống pháp luật khá hoàn chỉnh nhằm bảo vệ nhà đầu tư nước ngoài, đảm bảo sự cạnh tranh công bằng, thủ tục nhanh gọn, thông thoáng sẽ là môi trường đầu tư lý tưởng đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Vì vậy sau khi Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của WTO, quan hệ về hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Đài Loan chắc chắn sẽ có những bước tiến vượt bậc cả về quy mô và số lượng. Trong tương lai không xa có thể sẽ có các nhà đầu tư Việt Nam đến đầu tư tại Đài Loan.

Thứ tư, trong lĩnh vực hợp tác lao động - lĩnh vực khá mới mẻ trong quan hệ Việt Nam Đài Loan cũng sẽ có những cơ hội thuận lợi để phát triển. Từ tháng 5/1999, sau khi hai văn phòng kinh tế - văn hoá Hà Nội và Đài Bắc ký kết Hiệp định về việc gửi và tiếp nhận lao động Việt Nam sang làm việc tại Đài Loan, thì hợp tác lao động trở thành lĩnh vực phát triển khá nhanh trong quan hệ giữa Việt Nam và Đài Loan. Tính từ năm 1999 đến đầu năm 2005 đã có 167.800 người[2;66] Việt Nam sang làm việc ở Đài Loan, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có số lượng lao động lớn ở Đài Loan. Tuy vậy, từ tháng 1/2005, Đài Loan đã ngừng tiếp nhận lao động Việt Nam ở một số lĩnh vực do chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ và chưa tuân thủ đúng pháp luật... Do vậy, sau khi gia nhập WTO, người lao động Việt Nam sẽ có cơ hội để tiếp cận với việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cũng như có điều kiện để hiểu rõ hơn hệ thống pháp luật quốc tế. Đó là điều kiện thuận lợi để người lao động Việt Nam có thể tiếp tục được sang Đài Loan làm việc.

Thứ năm, trong lĩnh vực du lịch, hiện nay trung bình hàng năm có hơn 200.000 khách Đài Loan đến thăm quan Việt Nam. Bên cạnh đó, Đài Loan hiện

đứng thứ hai sau Singapore trong các nước và vùng lãnh thổ có đầu tư vào các dự án du lịch tại Việt Nam. Điều đó cho thấy, đây vẫn còn là lĩnh vực đầy tiềm năng đối với quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan. Chính vì vậy, “gia nhập WTO, Việt Nam sẽ càng trở nên hấp dẫn hơn đối du khách nước ngoài, đặc biệt là khách Đài Loan. Các doanh nhân Đài Loan có thể kết hợp vừa đi du lịch thăm quan các danh lam thắng cảnh, khám phá đất nước, con người Việt Nam vừa tìm hiểu các cơ hội làm ăn, đầu tư kinh doanh ở Việt Nam, thậm chí có thể đầu tư vào chính các dự án kinh doanh phát triển du lịch ở Việt Nam”[5;50]. Đó là thuận lợi hết sức cơ bản cho sự phát triển một lĩnh vực còn mới mẻ trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan.

3. Những thách thức đặt ra đối với quan hệ kinh tế Việt Nam sau khi Việt Nam gia nhập WTO

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản nêu trên, quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan cũng đứng trước những thách thức không nhỏ sau khi Việt Nam là thành viên chính thức của WTO.

Trước hết, sau khi Việt Nam là thành viên chính thức của WTO, đòi hỏi cả Việt Nam và Đài Loan phải tuân thủ một cách chặt chẽ các quy định về trao đổi thương mại, do vậy các doanh nghiệp Việt Nam cũng như Đài Loan phải nhanh chóng chuyển đổi sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm. Điều đó sẽ phần nào ảnh hưởng đến lượng cung hàng hoá của cả hai bên. Bên cạnh đó, sau khi Việt Nam gia nhập WTO, hàng hoá Đài Loan sẽ phải đứng trước sự cạnh tranh rất gay gắt về chất lượng và giá cả đối với các loại hàng hoá của các thành viên khác của WTO trên thị trường Việt Nam. Trong khi đó, cơ cấu mặt hàng nhập khẩu của Đài Loan cho thấy chỉ có 10% cho việc nhập khẩu các loại hàng tiêu dùng như thực phẩm, mỹ phẩm, đồ gia dụng, đồ may mặc, đồ gỗ... vào thị trường Đài Loan. Do vậy, hàng hoá của Việt Nam phải cạnh tranh với các nền kinh tế khác trong số 10% đó. Điều đáng lo ngại hơn là rất nhiều mặt hàng của chúng ta hiện vẫn còn chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của WTO. Những trở ngại đó có thể sẽ làm giảm lượng hàng hoá Việt Nam nhập vào Đài Loan.

Hai là, với việc gia nhập WTO, môi trường đầu tư của Việt Nam sẽ trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư Đài Loan, nhưng nó cũng đồng thời là môi trường đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài khác. Vì vậy, các nhà đầu tư Đài Loan đứng trước thách thức rất lớn là buộc phải điều chỉnh lại chiến lược của mình mới có thể đủ sức cạnh tranh với các nhà đầu tư nước ngoài khác trong bối cảnh Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của WTO. Một nhà lãnh đạo Đài Loan thừa nhận rằng đứng trước sự thách thức cạnh tranh mới sau khi Việt Nam gia nhập

WTO, các doanh nghiệp Đài Loan đang điều chỉnh lại chiến lược đầu tư và thương mại của mình với Việt Nam. Điều đó cho thấy, quan hệ đầu tư Việt Nam - Đài Loan rất có thể sẽ chịu những thách thức không nhỏ.

Ba là, trong lĩnh vực lao động, việc Việt Nam trở thành thành viên của WTO thì yêu cầu về nguồn nhân lực cần phải đáp ứng những tiêu chí khắt khe hơn. Trong tình trạng trình độ của người lao động Việt Nam còn rất hạn chế như hiện nay thì phải mất một thời gian tương đối dài để nâng cao trình độ tay nghề, kiến thức về luật pháp quốc tế... Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc cung cấp nguồn nhân lực của Việt Nam cho Đài Loan. Do đó, quan hệ hợp tác lao động giữa Việt Nam và Đài Loan có thể sẽ phát triển chậm lại trong thời gian tới.

4. Một số giải pháp nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Đài Loan thời kỳ hậu WTO

Từ những phân tích trên cho thấy, sau khi Việt Nam và Đài Loan trở thành thành viên đầy đủ của WTO, mối quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan sẽ có nhiều cơ hội để phát triển, nhưng đồng thời cũng đứng trước những thách thức không nhỏ. Vì vậy, để thúc đẩy sự phát triển quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan trong thời gian tới cả Đài Loan và Việt Nam cần phải thực hiện những giải pháp sau:

Thứ nhất, hai bên cần nhanh chóng hoàn thiện hệ thống luật pháp và những cam kết với WTO. Các doanh nghiệp Việt Nam và Đài Loan cần phải có chiến lược điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm cạnh tranh với các đối thủ khác khi cả hai cùng hợp tác trong môi trường cạnh tranh bình đẳng.

Thứ hai, hai bên cần tập trung đẩy mạnh hợp tác trong những lĩnh vực truyền thống như quan hệ thương mại và đầu tư. Việt Nam nên chú ý thu hút đầu tư của Đài Loan thông qua việc tạo cơ chế thông thoáng, nhanh gọn, nên khuyến khích đối với các sản phẩm Đài Loan trong các ngành công nghiệp mà Việt Nam đã có đủ sức cạnh tranh quốc tế bởi vì cả hai bên đều đã là thành viên đầy đủ của WTO và có thể tham gia xuất khẩu thuận lợi dưới khung khổ thể chế của WTO.

Thứ ba, trong lĩnh vực hợp tác lao động, Việt Nam cần có chiến lược nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bên cạnh đó cần chú trọng tới việc tăng cường những biện pháp giáo dục tư tưởng, đào tạo ngoại ngữ, giáo dục về hệ thống luật pháp quốc tế... cho người lao động. Đó là chiến lược hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác lao động Việt Nam - Đài Loan ngày càng phát triển trong bối cảnh mới.

Thứ tư, hai bên cần tăng cường hơn nữa việc tổ chức các diễn đàn trao đổi nhằm cung cấp cho nhau những kinh nghiệm trong việc xây dựng những tiêu chuẩn theo yêu cầu của WTO. Đây là lĩnh vực Việt Nam rất cần những kinh nghiệm từ phía Đài Loan.

Kết luận: Với tư cách cùng là thành viên của WTO, sẽ có nhiều cơ hội cũng như thách thức hơn đối với quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan. Do vậy, để thúc đẩy hơn nữa quan hệ kinh tế giữa hai bên thì cả Việt Nam và Đài Loan đều phải chủ động, tích cực nắm bắt cơ hội để khai thác hết tiềm năng cũng như lợi thế của mỗi bên, bên cạnh đó cần phải vượt qua những thách thức mới trong thời kỳ hội nhập để phát triển. Việt Nam và Đài Loan cần thực hiện một cách tốt nhất những giải pháp nêu trên, trong đó đặc biệt chú trọng việc hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với chuẩn mực quốc tế để tránh những sự việc đáng tiếc xảy ra do chưa nắm vững những quy định của WTO.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ngô Xuân Bình (CB) (2007), *Hợp tác kinh tế Việt Nam - Đài Loan trong bối cảnh hội nhập kinh tế Đông Á*, NXB Lao động, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Duy Dũng (2007), *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan: thực trạng và triển vọng*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 2 (72)-2007, tr 60 - 69.
- [3]. Phạm Quý Long (2007), *Thúc đẩy và mở rộng cơ hội trao đổi thương mại Việt Nam - Đài Loan thời kỳ sau khi Việt Nam gia nhập WTO*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 2 (72) 2 - 2007, tr 26 - 34.
- [4]. Đỗ Tiến Sâm (CB), (2006), *Đài Loan trước và sau khi gia nhập WTO, kinh nghiệm cho Việt Nam*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2006.
- [5]. Võ Hải Thanh (2008), *Triển vọng quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan sau khi gia nhập WTO*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 3 (85) 3 - 2008, tr 41 - 51.
- [6]. <http://www.cus.trade.gov.tw>
- [7]. <http://www.vinanet.com.vn>